

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận kết quả thi
ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Tờ trình số 63/TTr-TTCNTT-TT ngày 03/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản Khóa 04/2020, ngày thi 30/5/2020 tại Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng GDCNTX Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi đạt yêu cầu cho 107 thí sinh đã tham dự Kỳ thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản Khóa 04/2020, ngày thi 30/5/2020 theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi tại Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thanh tra, Trưởng phòng GDCNTX Sở GDĐT, Giám đốc Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan về các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, Phòng GDCNTX.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Giang Long

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ
THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TẠI HỘI ĐỒNG THI TRUNG TÂM CNTT&TT SỞ TT&TT**

Khóa 4/2020, ngày thi 30/5/2020

(Kèm theo Quyết định số 1801/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Giám đốc
Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
1	cb20k4_001	Đoàn Ngọc Thúy	Anh	15/10/1991	Quảng Bình	7,1	9,5	Đạt	
2	cb20k4_002	Hồ Thị Vân	Anh	20/03/1996	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	
3	cb20k4_003	Nguyễn Nữ Hoàng	Anh	07/04/1986	TT. Huế	8,3	10	Đạt	
4	cb20k4_004	Trần Ngọc	Anh	07/09/1979	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	
5	cb20k4_005	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/12/1986	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	
6	cb20k4_006	Trần Quốc	Bảo	22/07/1995	Quảng Bình	7,1	10	Đạt	
7	cb20k4_007	Võ Đức	Biểu	08/08/1997	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
8	cb20k4_008	Nguyễn Công	Bình	02/03/1979	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
9	cb20k4_009	Trần Trúc	Chi	28/04/1991	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
10	cb20k4_011	Trần Khánh	Cường	15/09/1987	Bến Tre	7,5	8,0	Đạt	
11	cb20k4_012	Nguyễn Lê	Duy	30/12/1985	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
12	cb20k4_014	Nguyễn Hữu	Đồng	22/12/1978	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	
13	cb20k4_015	Đinh Thị Cẩm	Giang	23/01/1995	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
14	cb20k4_016	Đinh Thị Thu	Giang	27/09/1997	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
15	cb20k4_017	Trần Ngọc	Giang	01/04/1979	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
16	cb20k4_018	Đoàn Thị	Hà	16/04/1974	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
17	cb20k4_020	Nguyễn Ngọc	Hà	25/01/1996	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
18	cb20k4_021	Trần Thị Ngọc	Hà	17/01/1975	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
19	cb20k4_023	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13/04/1977	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
20	cb20k4_024	Lê Thị Thu	Hào	18/04/1986	Quảng Bình	8,3	7,5	Đạt	
21	cb20k4_025	Hoàng Thị Thu	Hằng	30/08/1998	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	
22	cb20k4_026	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	10/05/1989	Quảng Bình	7,9	9,5	Đạt	
23	cb20k4_028	Đoàn Thị Thanh	Hiền	12/11/1998	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
24	cb20k4_029	Hoàng Đức	Hiền	14/12/1982	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
25	cb20k4_030	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	14/09/1994	Quảng Bình	7,9	9,5	Đạt	
26	cb20k4_031	Phạm Thị	Hiền	02/07/1998	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
27	cb20k4_032	Phạm Văn	Hoan	14/05/1963	Quảng Bình	6,7	7,0	Đạt	
28	cb20k4_033	Trần Thị Thu	Hoàn	15/07/1987	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
29	cb20k4_034	Đặng Thị Thu	Hội	01/01/1975	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	
30	cb20k4_035	Nguyễn Thị Quý	Hội	22/06/1983	Quảng Bình	10	9,5	Đạt	
31	cb20k4_036	Hoàng Thị	Hùn	10/02/1998	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
32	cb20k4_037	Đinh Xuân	Hùng	24/04/1979	Quảng Bình	9,6	9,5	Đạt	
33	cb20k4_038	Nguyễn Mạnh	Hùng	15/01/1993	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
34	cb20k4_039	Nguyễn Đức	Huy	30/09/1993	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
35	cb20k4_040	Đinh Thị Kim	Huyền	26/06/1998	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
36	cb20k4_041	Lê Thị Ngọc	Huyền	29/06/1991	Quảng Trị	8,8	10	Đạt	
37	cb20k4_042	Ngô Thị	Huyền	20/07/1998	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
38	cb20k4_043	Trương Thị Thanh	Huyền	26/04/1986	TT. Huế	8,3	9,0	Đạt	

22

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
39	cb20k4_044	Hoàng Thị Nam	Hương	20/06/1979	TT. Huế	9,2	8,5	Đạt	
40	cb20k4_045	Đặng Ngọc	Kiên	24/03/1980	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	
41	cb20k4_046	Phạm Trung	Kiên	03/02/1979	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	
42	cb20k4_047	Hồ	Kinh	13/01/1985	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
43	cb20k4_048	Phạm Thị Thanh	Lam	13/01/1993	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	
44	cb20k4_049	Nguyễn Ngọc	Lâm	24/10/1973	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
45	cb20k4_050	Trần Ngọc	Lâm	27/05/1985	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	
46	cb20k4_051	Trần Nhật	Lệ	19/06/1997	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	
47	cb20k4_052	Trần Thị Diệu	Liên	19/12/1979	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
48	cb20k4_053	Cao Thị Kim	Liễu	12/06/1986	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
49	cb20k4_054	Đinh Thị Thùy	Linh	26/07/1994	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	
50	cb20k4_055	Nguyễn Thành	Linh	14/10/1985	Quảng Bình	7,5	10	Đạt	
51	cb20k4_056	Trịnh Thị Phương	Linh	27/07/1991	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	
52	cb20k4_057	Nguyễn Hữu	Long	20/01/1988	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	
53	cb20k4_058	Trần Thành	Long	04/02/1978	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	
54	cb20k4_059	Nguyễn Tiến	Lợi	13/09/1977	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
55	cb20k4_060	Hồ Hoàng	Ly	10/07/1994	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	
56	cb20k4_061	Nguyễn Khánh	Ly	12/10/1998	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	
57	cb20k4_062	Huỳnh Nữ Quỳnh	Mai	20/09/1990	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
58	cb20k4_063	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	10/09/1991	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	
59	cb20k4_064	Hoàng Văn	Minh	15/05/1997	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
60	cb20k4_065	Trần Thị Hồng	Minh	03/06/1996	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
61	cb20k4_066	Võ Thị Bình	Minh	20/11/1980	TT. Huế	8,3	9,0	Đạt	
62	cb20k4_067	Bùi Thị Quỳnh	Nga	12/01/1989	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
63	cb20k4_068	Đặng Thị Diệu	Nga	21/06/1992	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
64	cb20k4_069	Phạm Thị Diệu	Nga	20/06/1999	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
65	cb20k4_070	Nguyễn Tuấn	Ngọc	12/06/1984	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
66	cb20k4_072	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	22/09/1998	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	
67	cb20k4_073	Võ Thị Thanh	Nhàn	30/05/1991	Quảng Bình	7,9	9,5	Đạt	
68	cb20k4_074	Phan Thị	Nhỏ	27/03/1974	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
69	cb20k4_075	Nguyễn Thị	Nhung	20/08/1988	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	
70	cb20k4_076	Đỗ Thị	Oánh	12/01/1972	Quảng Trị	8,8	10	Đạt	
71	cb20k4_077	Nguyễn Thanh	Phong	06/01/1982	Quảng Bình	6,7	7,5	Đạt	
72	cb20k4_079	Trần Thị	Phương	20/06/1999	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	
73	cb20k4_080	Đinh Hồng	Quang	07/08/1987	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
74	cb20k4_081	Phạm Xuân	Quang	14/10/1979	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	
75	cb20k4_082	Lê Chiêu	Quân	28/02/1985	TT. Huế	7,5	9,0	Đạt	
76	cb20k4_083	Phạm Cao	Quý	12/12/1979	Quảng Bình	6,7	7,5	Đạt	
77	cb20k4_084	Phạm Thị Tố	Quyên	06/01/1982	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
78	cb20k4_085	Hoàng Thị Như	Quỳnh	30/07/1991	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	
79	cb20k4_086	Phạm Ngọc	Quỳnh	01/06/1982	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
80	cb20k4_087	Đinh Duy	Sâm	01/12/1986	Quảng Bình	7,1	7,0	Đạt	
81	cb20k4_088	Lê Mạnh	Sơn	10/11/1972	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	
82	cb20k4_089	Võ Hồng	Sơn	13/04/1987	Hồ Chí Minh	8,8	9,5	Đạt	
83	cb20k4_090	Đinh Thị	Tâm	22/08/1981	Quảng Bình	6,7	7,0	Đạt	

28

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						LT	TH		
84	ct20k4_091	Lê Thị Tâm	Tâm	03/01/1987	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
85	ct20k4_093	Nguyễn Diệu Tâm	Tâm	25/04/1989	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	
86	ct20k4_094	Lê Thị Phương Thảo	Thảo	25/09/1998	Quảng Bình	9,6	9,5	Đạt	
87	ct20k4_095	Lê Thị Thắm	Thắm	20/10/1976	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	
88	ct20k4_096	Trương Minh Thắng	Thắng	20/11/1993	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
89	ct20k4_097	Võ Thị Thể	Thể	04/06/1979	Quảng Bình	7,1	7,5	Đạt	
90	ct20k4_098	Lê Thị Mỹ Thu	Thu	02/12/1975	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	
91	ct20k4_099	Lê Văn Thuận	Thuần	11/08/1977	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	
92	ct20k4_100	Phạm Minh Thường	Thường	20/10/1987	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	
93	cb20k4_101	Nguyễn Đức Toàn	Toàn	20/01/1970	Thái Nguyên	8,8	10	Đạt	
94	cb20k4_102	Đoàn Xuân Toàn	Toàn	26/12/1972	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	
95	cb20k4_103	Lê Thị Ngọc Trà	Trà	02/12/1996	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	
96	cb20k4_104	Phan Thị Thùy Trang	Trang	04/04/1991	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
97	cb20k4_105	Nguyễn Đăng Trí	Trí	20/06/1981	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	
98	cb20k4_106	Nguyễn Thành Trung	Trung	22/06/1979	Quảng Bình	6,7	7,0	Đạt	
99	cb20k4_107	Nguyễn Tư Trường	Trường	01/12/1997	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	
100	cb20k4_108	Cao Ngọc Tú	Tú	04/10/1984	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	
101	cb20k4_109	Nguyễn Minh Tuấn	Tuấn	19/05/1980	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	
102	cb20k4_110	Bùi Văn Tuấn	Tuấn	20/10/1986	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	
103	cb20k4_111	Nguyễn Hữu Tuyển	Tuyển	15/03/1981	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
104	cb20k4_112	Phạm Thị Thanh Vân	Vân	30/10/1986	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt	
105	cb20k4_113	Trần Thanh Vân	Vân	08/08/1992	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	
106	cb20k4_114	Hoàng Quang Vinh	Vinh	20/06/1985	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	
107	cb20k4_115	Phạm Thị Xuân	Xuân	20/01/1982	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	

Danh sách này có 107 thí sinh./.